

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/11/2019

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Nguyễn tất Bấy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ - Sinh năm 1985(Có mặt).

Trú quán: Thôn 8, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M – Sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019 lời khai của nguyên đơn Chị Trần Thị Đ và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Trần Thị Đ kết hôn với Anh Nguyễn Văn M vào tháng 10 năm 2005 trước khi kết hôn Chị Đ và Anh M có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Hai bên có đến Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại thôn 8, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá. Cuộc sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp

nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2007 Anh M về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, Chị Đ và Anh M ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân Chị Đ và Anh M có liên lạc níu kéo nhiều lần nhưng không được. Nay Chị Đ xác định tình cảm với Anh M không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Chị Đ, Anh M chưa có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Đ, Anh M không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn M vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng Anh M không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Chị Đ cũng không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của Anh M về yêu cầu của Chị Đ. Bà Nguyễn Thị K là chị gái của Anh M, ông Trần Văn Sơn là anh rể Anh M cho biết: Anh M có kết hôn với Chị Đ và có đăng ký kết hôn tại tỉnh Thanh Hoá, chung sống với nhau một thời gian ngắn Anh M về quê ở Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang chung sống, đến đầu năm 2019 thì Anh M đi làm ăn xa, Anh M bị nghiện ma túy và chung sống với người phụ nữ khác, hiện cũng đã ly thân với nhau, nay Chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, bà Kim đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Anh M để giải thoát cho Chị Đ.

Tại phiên tòa Chị Trần Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh M. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Đ: Cho Chị Trần Thị Đ được ly hôn với Anh Nguyễn Văn M.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án theo biên lai thu số: AA/2018/0005511 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với Anh Nguyễn Văn M. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn M được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác nhận của người thân của Anh M thì hiện Anh M vẫn cư trú tại thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện nay Anh M đi đâu làm gì gia đình không được biết. Anh M cũng không cung cấp địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc hiện nay cho Chị Đ biết. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 3 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự được xem là Anh M cố tình giấu giếm địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Anh M.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ, Anh M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2005 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài (Từ năm 2007), điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị Đ Anh M có mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của Chị Đ đối với Anh M: Cho Chị Đ được ly hôn với Anh M.

[3] Về con chung: Chị Đ, Anh M không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Đ: Cho Chị Trần Thị Đ được ly hôn với Anh Nguyễn Văn M.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án theo biên lai thu số: AA/2018/0005511 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Văn Thê